

BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ CỦA NGƯỜI NÙNG Ở VÙNG BIÊN GIỚI TỈNH CAO BẰNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

ThS. Sa Thị Thanh Nga

Viện Dân tộc học

Email: sathithanhnga@gmail.com

Tóm tắt: Trong nhiều năm trở lại đây, đời sống văn hoá của người Nùng ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Cao Bằng đã và đang có những thay đổi trên nhiều khía cạnh. Điều này là tất yếu trong quá trình phát triển của tộc người, nhất là trong bối cảnh hội nhập và phát triển mạnh mẽ về kinh tế, văn hóa - xã hội ngày nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đời sống văn hoá của người Nùng đã có những biến đổi đáng kể. Người Nùng tiếp thu các giá trị văn hoá nhiều nhất từ người Kinh sống liền kề trong nội địa Việt Nam và từ người Choang ở bên kia biên giới Trung Quốc, khiến cho các giá trị văn hoá truyền thống tồn tại lâu đời của họ dần thay đổi. Cùng với xu thế phát triển và hội nhập, trong thời gian tới, văn hoá của người Nùng có xu hướng tiếp tục biến đổi mạnh hơn, tạo nên những giá trị mới, khiến văn hoá của họ ngày càng phong phú và đa dạng.

Từ khoá: Biến đổi văn hoá, người Nùng, vùng biên giới, tỉnh Cao Bằng.

Abstract: Recently, the cultural life of the Nung people in the Vietnam-China border area in Cao Bang province has been changing in many aspects. This is inevitable in the development process of the ethnic group, especially in the context of strong economic, cultural, and social integration and development today. Research results indicate that the cultural life of the Nung people has changed significantly. The Nung people have mostly absorbed cultural values from the Kinh people living adjacent to them in Vietnam and the Zhuang people on the Chinese border, gradually changing their long-standing traditional cultural values. Along with the tendency of development and integration, in the coming time, the culture of the Nung people tends to continue to change more robustly, creating new values and making their culture increasingly rich and diverse.

Keywords: Cultural change, Nung people, border area, Cao Bang province.

Ngày nhận bài: 26/10/2023; ngày gửi phản biện: 4/11/2023; ngày duyệt đăng: 24/11/2023.

Mở đầu

Cao Bằng là tỉnh miền núi thuộc khu vực Đông Bắc Việt Nam, có đường biên giới giáp tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc dài trên 333km. Đây là khu vực có địa hình hiểm trở với nhiều

đây núi đá vôi có độ cao từ 600m - 1.300m so với mặt nước biển. Các tộc người cư trú ở khu vực này gồm có người Tày, Nùng, Hmông, Lô Lô,... Đa phần các tộc người có nguồn gốc từ Trung Quốc di cư sang nước ta, vì vậy, họ vẫn giữ mối liên hệ nhất định với người đồng tộc ở bên kia biên giới. Trải qua quá trình sinh sống và phát triển lâu dài ở vùng biên, các tộc người này có nền văn hoá phong phú, đa dạng, vừa mang đặc trưng riêng của tộc người vừa có những nét chung của cư dân miền biên giới.

Nhiều năm trở lại đây, nhất là sau Đổi mới (1986), đời sống văn hóa của các tộc người thiểu số (TNTS) vùng biên giới tỉnh Cao Bằng đã có nhiều biến đổi. Cùng với xu thế chung, các giá trị văn hoá truyền thống của người Nùng đã và đang có những biến đổi mạnh mẽ. Với đặc thù cư trú lâu đời ở vùng biên giới, sự biến đổi trong đời sống văn hoá của tộc người này có một số điểm khác biệt với những TNTS ở các địa bàn khác. Việc nhận diện mức độ biến đổi của các giá trị văn hoá truyền thống tộc người hiện nay sẽ giúp chúng ta xác định được xu hướng biến đổi văn hoá tộc người trong bối cảnh hội nhập và phát triển, từ đó có thể đưa ra những định hướng cụ thể trong công tác gìn giữ, bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống tộc người, phục vụ cho sự phát triển và ổn định an ninh vùng biên giới. Trên cơ sở phân tích thực trạng biến đổi văn hoá của người Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng, bài viết này cung cấp cái nhìn cụ thể về đời sống văn hoá hiện nay của tộc người Nùng dựa trên nghiên cứu biến đổi của một số thành tố trong đời sống văn hoá như ẩm thực, trang phục, nhà ở, tín ngưỡng, lễ hội. Từ đó nhận diện một số yếu tố tác động và xu hướng biến đổi văn hoá của tộc người này trong bối cảnh hiện nay.

Bài viết dựa trên kết quả hai đợt nghiên cứu thực địa vào các năm 2021, 2022 tại các thôn có người Nùng chiếm đa số về tỷ lệ dân cư: xã Tri Phương thuộc huyện Trùng Khánh; xã Lũng Nặm, xã Thượng Thôn thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Trong đó có một số thôn là điểm nghiên cứu nằm sát đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc (thôn Cáy Tắc, xã Lũng Nặm; thôn Bảo Biên, xã Tri Phương), các điểm nằm cách xa biên giới từ 10 - 20km như thôn Bình Chính trên, thôn Bình Chính dưới (xã Tri Phương), thôn Nặm Giặt (xã Thượng Thôn).

1. Khái quát về người Nùng ở Cao Bằng

Dân số người Nùng ở xã Thượng Thôn là 2.278 người, xã Lũng Nặm: 2.623 người (UBND huyện Hà Quảng, 2020); xã Quang Hán là 2.318 người và xã Tri Phương: 1.016 người (UBND huyện Trùng Khánh, 2021), đều thuộc nhóm Nùng Giang, có nguồn gốc là dân tộc Choang ở tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, di cư vào nước ta từ khoảng 300 - 400 năm trước. Người Nùng tại các điểm nghiên cứu chủ yếu sinh sống xen kẽ với người Kinh và người Tày. Do có nhiều điểm tương đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán nên từ lâu người Nùng có mối quan hệ trên các phương diện kinh tế, văn hoá, xã hội với người dân ở bên kia biên giới.

Sinh kế chính của người Nùng Giang vốn là sản xuất nông nghiệp. Từ lâu họ đã phát nương làm rẫy, khai phá các vùng đất ven sông, suối để cấy lúa, trồng ngô và các loại cây hoa màu, rau quả,... Họ còn chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm như trâu, bò, ngựa, lợn, gà, vịt,... để phục vụ nhu cầu trong gia đình. Hiện nay, bên cạnh sản xuất nông nghiệp, người Nùng còn

làm nhiều công việc khác như buôn bán, làm phụ hồ, phụ bán hàng, bốc vác hàng hoá qua đường biên cho tiểu thương, làm công nhân tại các khu công nghiệp trong nước, sang Trung Quốc làm thuê,... Các công việc này chủ yếu được người dân thực hiện sau khi kết thúc vụ mùa vì vậy thường không ổn định.

Người Nùng Giang ở Cao Bằng chủ yếu sinh sống tập trung thành từng cụm dân cư nhỏ, ngôi nhà của họ chủ yếu là nhà sàn được dựng bằng gỗ, tre, nứa, mái lợp ngói âm dương. Nhà thường được xây dựng dựa lưng vào núi, mặt hướng ra cánh đồng. Mỗi ngôi nhà đều có cửa chính đặt ở gian giữa, cửa phụ là cửa ở phía sau hoặc bên cạnh hông nhà. Nhà thường có ba gian, trong đó gian chính giữa là nơi quan trọng nhất có đặt bàn thờ tổ tiên và tiếp khách của gia đình; hai bên là phòng ngủ của cha mẹ và con cái. Bếp ăn được đặt ở cuối gian giữa, phía trên là gác bếp thường được dùng làm kho chứa đồ hoặc cất giữ thóc, ngô, lạc,... sau khi thu hoạch. Gầm sàn là nơi để các loại nông cụ và nuôi, nhốt gia súc, gia cầm (Báo ảnh Dân tộc và Miền núi, 2017).

Với nguồn lương thực chính là gạo tẻ và gạo nếp, người Nùng chế biến thành nhiều món ăn như: com, xôi (xôi trám, xôi màu, xôi trứng kiến), bánh rán, bánh dày,... Ngoài ra, các món rau, củ, thịt cá thường được thu hái, săn bắt trong tự nhiên, chủ yếu từ ngôi rừng gần nơi sinh sống. Các ngày lễ tết trong năm, người Nùng có những món ăn đặc trưng: thịt gà, bánh chưng dài (tết Nguyên đán), bánh ngải (Rằm tháng Giêng), vịt nấu chao (ngày Rằm tháng Bảy), lợn quay mắc mật (cổ cưới, lễ mừng thọ),...

Trang phục truyền thống của người Nùng Giang được cắt may từ vải thô dệt thủ công, không thêu thùa hay trang trí hoa văn sắc sỡ mà chỉ nhuộm chàm đen. Người phụ nữ Nùng Giang ở các điểm nghiên cứu trước đây thường mặc áo năm thân, ống tay rộng, tà xẻ cao, ngắn đến ngang hông, đầu ống tay áo và nếp ngực áo may bằng vải khác màu; quần chân què cạp lá tọa, màu chàm đen; đi giày vải; khi lao động họ thường đeo tạp dề, đệm vai. Nam giới mặc áo bốn thân cài cúc vải trước ngực, có 4 túi vải may phía trước, mặc quần chân què cạp lá tọa, đội mũ lưỡi trai, đi giày vải (Sa Thị Thanh Nga, 2022).

Người Nùng Giang có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Họ thờ 9 đời tổ tiên, bàn thờ được đặt ở vị trí trang trọng nhất trong nhà, trên bàn thờ có bức *Phùng slăn* ghi tên các bậc tổ tiên của gia đình và dòng họ. Trong nhà người Nùng còn có bàn thờ bà Mụ, bàn thờ Táo quân ở bếp nấu ăn; gia đình có người làm Then, làm thầy Tào có thêm bàn thờ Thánh tướng âm binh. Người Nùng làm lễ cúng tổ tiên vào các dịp lễ Tết trong năm; lễ vật cúng thường là thịt lợn, thịt gà hoặc thịt vịt. Người Nùng còn có tín ngưỡng thờ thần linh, ma rừng, ma núi, ma sông,... gọi chung là thổ công. Mỗi bản của người Nùng đều có miếu thờ thổ công. Hàng năm, vào dịp lễ tết hay khi gia đình có công việc quan trọng như dựng nhà mới hoặc có người qua đời thì gia chủ mang lễ đến cúng thổ công. Lễ vật thường là thịt gà, thịt lợn, xôi, rượu, bánh trái. Trong đời sống tín ngưỡng của người Nùng, vai trò của thầy cúng như thầy Tào, Mo, Pút, Then rất quan trọng. Họ quan niệm đây là những người có khả năng kết nối với thế

giới thần linh, có khả năng cầu cho mưa thuận gió hòa để đồng bào có vụ mùa bội thu, xua đuổi ma quỷ, những thế lực xấu làm hại đến con người, vật nuôi,...

Về lễ tết truyền thống, trong một năm người Nùng đón nhiều ngày lễ tết như: tết Nguyên đán, tết Thanh minh mừng 3 tháng Ba, tết mừng 5 tháng Năm, mừng 6 tháng Sáu, mừng 7 tháng Bảy, mừng 9 tháng Chín,... Lễ tết truyền thống là dịp để người Nùng nghỉ ngơi, vui chơi sau những ngày lao động mệt nhọc; đây cũng là cơ hội để họ gặp gỡ, giao lưu với bạn bè, người thân cũng như những người đồng tộc, khác tộc thân quen ở bên kia biên giới.

2. Biến đổi văn hoá vật chất

2.1. Về nhà ở

Hiện nay người Nùng Giang tại các điểm nghiên cứu sinh sống trong hai loại hình nhà ở cơ bản là nhà truyền thống và nhà xây theo kiểu hiện đại. Một số hộ gia đình có diện tích đất rộng hoặc điều kiện kinh tế vẫn giữ ngôi nhà sàn truyền thống làm nơi ở của cha mẹ và xây ngôi nhà mới ở liền kề để con cháu sinh sống. Tại hầu hết các thôn, nhà truyền thống đều tập trung ở điểm định cư cũ, còn nhà hiện đại được đồng bào xây trên những mảnh đất ở gần hoặc ven đường lớn. Trong nhiều năm gần đây, số lượng các ngôi nhà sàn truyền thống ngày càng ít đi. Khảo sát tại thôn Bình Chính trên cho thấy có 19 ngôi nhà sàn, 53 nhà xây; thôn Năm Giạt có 10 nhà sàn, 77 nhà xây. Ở các thôn Bình Chính dưới, thôn Cáy Tắc, thôn Bảo Biên các ngôi nhà xây theo kiểu hiện đại cũng có số lượng nhiều hơn nhà sàn (Trần Thị Mai Lan, Chủ nhiệm, 2022).

Những ngôi nhà sàn còn tồn tại đến hiện nay của người Nùng Giang chủ yếu đang trong tình trạng cũ, hỏng; một số ngôi nhà được sửa chữa theo kiểu chắp vá do người dân không có điều kiện kinh tế hoặc việc tìm nguyên vật liệu truyền thống rất khó khăn. Ví dụ, người dân thường sửa chữa những phần ngói bị hỏng bằng cách dùng tấm phô xi măng để thay thế, cầu thang lên xuống được xây bằng gạch và xi măng thay cho vật liệu bằng tre, gỗ như trước đây. Sàn phoi cũng được đồng bào xây gạch để thuận tiện hơn trong việc phơi nông sản. Dưới gầm sàn được cải tiến xây dựng nhà vệ sinh, nhà tắm hoặc làm nơi để nông cụ, xe máy. Hiện nhiều gia đình đã xây dựng chuồng trại riêng cho trâu, bò ở mảnh đất gần nhà thay vì dưới gầm sàn. Chỉ còn một số ít gia đình đất ở chật hẹp mới giữ tập quán chăn nuôi dưới gầm sàn.

Hiện nay, nhiều gia đình người Nùng Giang đã chuyển sang sống trong ngôi nhà xây bằng gạch, lợp mái tôn hoặc đồ mái bằng, có kiến trúc và nguyên vật liệu xây dựng khác hoàn toàn so với ngôi nhà truyền thống. Kiến trúc nhà xây có nhà cấp bốn (xây bằng gạch đỏ hoặc gạch làm từ hỗn hợp đá, xi măng, mái lợp ngói hoặc tôn, tấm phô xi măng), nhà xây mái bằng (có kiến trúc như nhà của người Kinh). Một số người Nùng sang Trung Quốc làm thuê thấy nhà ở của người đồng tộc ở bên kia biên giới có kiến trúc đẹp, cách bố trí hợp lý nên đã đưa mẫu nhà đó về địa phương mình để xây dựng (Trần Thị Mai Lan, Chủ nhiệm, 2022). Mẫu nhà xây học hỏi từ người Choang ở Trung Quốc thường có một hoặc hai tầng, móng nhà được làm bằng đá và xi măng, tường xây bằng gạch được sản xuất ở huyện Quảng Hoà (tỉnh Cao Bằng),

một số gia đình ở các thôn giáp biên như thôn Cáy Tắc còn dùng gạch mua từ Trung Quốc. Một số người Nùng đã học hỏi cách làm cửa ra vào, cửa sổ, thiết kế trang trí, nội thất do Trung Quốc sản xuất.

Trong những ngôi nhà mới, bàn thờ tổ tiên được đặt ở vị trí trang trọng nhất tại phòng khách, đối diện với cửa chính. Sau bức tường đặt bàn thờ là phòng ngủ của vợ chồng chủ nhà. Ở những ngôi nhà hai tầng, tầng hai thường là phòng ngủ của con cái. Nền nhà là nền đất, gia đình có điều kiện mới đổ nền xi măng hoặc lát gạch hoa. Bếp nấu ăn có thể đặt trong nhà hoặc xây một gian nhỏ bên hông nhà, đây cũng là nơi chứa lương thực của gia đình. Chuồng nuôi nhốt gia súc được xây dựng tách biệt với ngôi nhà. Trong nhà đã có nhiều vật dụng tiện nghi, hiện đại như ti vi, tủ lạnh, xe máy, bếp ga, bếp từ,...

2.2. Ẩm thực

Nguồn lương thực chính của người Nùng Giang hiện nay vẫn là gạo tẻ và gạo nếp. Tập quán ăn uống và chế biến các loại bánh từ gạo vẫn được đồng bào lưu giữ và thực hành trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Song, hiện nay hệ thống đường giao thông thuận lợi, hoạt động giao lưu buôn bán phát triển, nguồn cung cấp thực phẩm cho người Nùng đã đa dạng hơn trước rất nhiều. Ngoài nguồn nông sản tự cung tự cấp, họ có thể mua thức ăn hàng ngày như thịt lợn, cá, đậu, rau củ,... từ những cửa hàng tạp hoá trong bản hoặc tại các phiên chợ ở trung tâm xã, huyện. Những loại lương thực, đồ ăn, thức uống mới như mì ăn liền, bánh mì, sữa, nước ngọt, bia... trở nên phổ biến trong đời sống người Nùng. Ngoài ra, hàng ngày những người buôn bán nhỏ còn dùng xe máy chuyên chở những mặt hàng thực phẩm như thịt lợn, đậu phụ, cá khô,... đến tận từng thôn để bán cho người dân, vì vậy nguồn lương thực của người Nùng ngày càng phong phú.

Cách thức chế biến thực phẩm của người Nùng hiện nay cũng đa dạng hơn, bên cạnh những cách thức truyền thống, họ đã sử dụng nhiều phương pháp: rán, xào, hầm, nướng trong chế biến các món ăn một cách thường xuyên. Các loại gia vị mới như xì dầu, dầu hào, dầu ăn, nước mắm,... cũng được sử dụng nhiều hơn. Cùng với quá trình hội nhập, người Nùng đã học hỏi cách thức chế biến món ăn từ các dân tộc khác như người Kinh, người Tày cư trú kề cận, người Choang ở Trung Quốc, vì vậy số lượng các món ăn trong đời sống ẩm thực của người Nùng đã tăng lên nhiều so với trước đây. Những món ăn mới như nem, chả, giò, hải sản,... đã xuất hiện thường xuyên trong bữa ăn hàng ngày. Trong mâm cỗ hay lễ vật cúng, bên cạnh những món ăn truyền thống của dân tộc, những món ăn mới cũng được người dân bày biện phong phú hơn. Họ cũng ưa thích sử dụng các loại gia vị của người Trung Quốc như nước tương, chao, tương ớt, rượu nấu ăn,... trong chế biến món ăn; các loại lương thực như mì tôm, cháo, miến ăn liền,... trong sinh hoạt hàng ngày; các thực phẩm đóng gói chế biến sẵn như chân gà, cánh gà, thịt bò khô,... với nhiều gia vị đặc trưng của người Trung Quốc nhưng lại hợp khẩu vị của người Nùng nên họ rất ưa thích. Các loại đồ uống như nước ngọt, bia, rượu, có nguồn

gốc từ Trung Quốc cũng được người Nùng ở đây sử dụng khá thường xuyên (Trần Thị Mai Lan, Chủ nhiệm, 2022).

2.3. Trang phục

Hầu hết nam giới người Nùng ở các điểm nghiên cứu không còn mặc trang phục truyền thống trong đời sống sinh hoạt thường ngày cũng như trong lao động. Thay vào đó, họ chuyển sang mặc trang phục hiện đại. Về cơ bản, đó là những bộ quần áo được may sẵn và bán đại trà ở chợ huyện, chợ phiên hoặc bán tại các cửa hàng ở trung tâm xã, thị trấn. Về chất liệu, trang phục được may từ vải công nghiệp, có chất liệu cotton, jean, kaki,... màu sắc đa dạng, kiểu dáng phong phú, phù hợp với nhiều loại hình thời tiết, mục đích sử dụng. Hiện nay, chỉ các thầy cúng còn mặc trang phục truyền thống khi thực hiện các nghi lễ cầu cúng. Đó là loại áo dài 4 thân xẻ ngực, có màu chàm, thêu hình rồng toàn thân, hình kỳ lân đầu rồng đuôi gà, hổ mắt xanh thân vàng ở thân áo sau (Lê Văn Bé, 2001). Tuy nhiên, nhiều năm trở lại đây, không còn ai biết cắt may loại áo này nên các thầy cúng khi cần thường phải đặt mua ở Trung Quốc.

Phụ nữ người Nùng thuộc lứa tuổi trung niên vẫn mặc trang phục truyền thống song bộ trang phục đã có sự thay đổi. Về vải may, họ sử dụng vải công nghiệp với chất liệu phong phú được bán sẵn ở chợ với mức giá dao động từ 18.000 - 20.000 đồng/m. Về màu sắc, họ lựa chọn những tông màu sáng như trắng, xanh da trời, vải kẻ ô,... thay vì màu chàm như trước đây. Về cách thức sử dụng, trong sinh hoạt thường ngày cũng như khi lao động, phụ nữ người Nùng mặc áo được cắt may theo kiểu truyền thống với nhiều sắc màu đa dạng khác nhau; trong những dịp lễ, tết, khi cần phải mặc trang phục truyền thống, họ thường chọn mặc áo kiểu truyền thống có màu chàm hoặc màu xanh đậm, quần được may bằng vải sa tanh đen. Đa phần người phụ nữ Nùng không còn tự khâu may quần áo mà chuyển sang sử dụng những bộ trang phục kiểu truyền thống may sẵn, được bán ở chợ. Những bộ trang phục này vừa giữ kiểu dáng của bộ trang phục truyền thống, lại vừa tiện lợi, có nhiều màu sắc, kích cỡ, với giá thành rẻ, phù hợp với điều kiện kinh tế của đồng bào. Bên cạnh đó họ còn kết hợp trang phục truyền thống với trang phục hiện đại do sự tiện lợi trong sinh hoạt và lao động mà vẫn giữ được nét truyền thống trong cách ăn mặc của mình, lại phù hợp với thị hiếu chung của xã hội (Sa Thị Thanh Nga, 2022).

Phụ nữ Nùng dưới 40 tuổi và những thiếu nữ hầu hết không còn mặc quần áo truyền thống. Thay vào đó, họ mặc trang phục theo xu hướng hiện đại như quần vải, quần bò, áo phông, áo sơ mi, đi giày, dép,... Hiện nay các loại quần áo đa dạng kiểu dáng được bày bán sẵn ở các chợ, cửa hàng trên thị trấn, trung tâm xã. Trước khi dịch COVID-19 bùng phát, người Nùng thường mua quần áo, vải may trang phục trong những dịp đi chợ bên Trung Quốc (chợ Long Bang, chợ Cấp Nhà,...). Hiện nay, do không thể qua biên giới Trung Quốc đi chợ nên họ đã chuyển sang dùng vải sản xuất trong nước.

Trong thời gian giãn cách xã hội do ảnh hưởng của dịch COVID-19, nhiều người dân, nhất là những người lứa tuổi thanh niên, còn mua quần áo qua các ứng dụng trên mạng xã hội

như Facebook, Wechat. Họ cho biết, khi truy cập những ứng dụng này thấy quần áo đẹp, phù hợp, giá cả hợp lý thì đặt mua. Họ cũng ưu tiên lựa chọn những mẫu quần áo có kiểu cách (cúc áo, cổ áo) giống kiểu Trung Quốc hoặc gần giống với kiểu áo của dân tộc mình. Hiện nay, trẻ em người Nùng đã mặc quần áo theo kiểu phổ thông từ khi sinh ra. Tuy nhiên, vẫn còn một số gia đình có phụ nữ lớn tuổi còn giữ việc may vá thì vẫn khâu những chiếc mũ nôi, giày vải truyền thống cho các cháu nhỏ.

Nhằm bảo tồn và lưu giữ trang phục truyền thống, ở huyện Hà Quảng, các trường học đã đưa ra quy định học sinh mặc trang phục truyền thống tộc người vào ngày đầu tuần và các ngày lễ, sự kiện lớn do nhà trường tổ chức trong năm, như lễ khai giảng, bế giảng năm học. Trong các hoạt động, sự kiện chính trị - văn hoá lớn của địa phương, các cán bộ là người dân tộc phải mặc trang phục truyền thống của dân tộc mình. Qua các hoạt động này, ý thức bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá tộc người có điều kiện được phát huy.

3. Biến đổi về văn hóa tinh thần

3.1. Về phong tục tập quán, tín ngưỡng

Hàng năm, người Nùng có nhiều nghi lễ tín ngưỡng gắn với chu kỳ đời người cũng như các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Ngày nay, về cơ bản, các nghi lễ tín ngưỡng của người Nùng Giang ở các điểm nghiên cứu vẫn được người dân gìn giữ và thực hành trong đời sống hàng ngày.

Tập quán thờ cúng tổ tiên và thần linh được người Nùng duy trì với những nghi thức, nghi lễ truyền thống từ trước đến nay. Một số gia đình sinh sống trong những ngôi nhà xây hai tầng kiểu mới đã chuyển bàn thờ tổ tiên lên tầng hai của ngôi nhà thay vì để ở phòng khách tầng một. Người Nùng có truyền thống trang trí bàn thờ bằng những mảnh giấy dán màu đỏ, trên có viết câu đối hoặc chữ viết có ý nghĩa răn dạy con cháu trong gia đình về phong tục tốt đẹp của dân tộc mình. Những mảnh giấy này thường do gia chủ nhờ thầy cúng viết bằng chữ Hán. Tuy vậy, hiện nay một số gia đình chuyển sang sử dụng các câu đối in sẵn được bày bán ở chợ, có gia đình còn dùng câu đối in bằng chữ tiếng phổ thông. Các đồ thờ cúng sản xuất ở Trung Quốc được nhiều gia đình người Nùng lựa chọn như các bức hoành phi, câu đối, hoa giấy, giấy dán bàn thờ, nến đỏ hình đèn lồng,... Bàn thờ tổ tiên còn được người Nùng trang trí bằng những bóng đèn điện thấp sáng thay vì dùng đèn dầu, nến như trước đây (Trần Thị Mai Lan, Chủ nhiệm, 2022).

Lễ vật trong mâm cỗ cúng của người Nùng hiện phong phú hơn, bên cạnh những món ăn truyền thống còn có những món ăn, thức uống mới được bày biện đẹp mắt. Hiện nay, một số gia đình trẻ thay vì tự chuẩn bị lễ vật cúng, đã đặt mua sẵn ở chợ hoặc mua của những người biết làm cỗ trong bản để về cúng. Nếu như trước đây, trong lễ cúng thổ công, người dân trong thôn bản cùng đóng góp hiện vật thì hiện nay, họ chuyển sang đóng góp bằng tiền mặt, sau đó đi mua các lễ vật về tổ chức và thực hiện các nghi lễ theo phong tục.

Người Nùng thường làm lễ giải hạn vào dịp đầu năm mới để giải trừ vận hạn, cầu mong những điều may mắn, tốt lành. Đây là phong tục được lưu giữ qua nhiều đời, là một sinh hoạt tín ngưỡng không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người Nùng. Hiện nay, nghi lễ này vẫn được người dân thực hiện hàng năm. Tuy vậy, một số gia đình có điều kiện kinh tế đã tổ chức lễ giải hạn với quy mô lớn, tốn kém không ít tiền của. Một số người lại làm lễ mỗi khi gặp chuyện không may như buôn bán thất bát, tình duyên lận đận,... khiến cho mục đích của nghi lễ này bị thay đổi.

Trong năm, người Nùng còn có các nghi lễ gắn liền với các hoạt động sản xuất như lễ cầu mùa “*Răn ráy răn nà*”, lễ cơm mới “*Kin khẩu máu*”, lễ cúng vía trâu,... Nhiều năm trở lại đây, những nghi lễ này không còn được tổ chức thường xuyên trong các gia đình người Nùng, nhất là trong những gia đình trẻ.

3.2. Về lễ tết truyền thống

Lễ hội lớn nhất của người Nùng là lễ hội *Lông tông* - hội xuống đồng, được tổ chức vào tháng Giêng hàng năm. Trong truyền thống, các bản gần nhau tổ chức lễ hội *Lông tông* vào các ngày khác nhau để dân bản này có thể đi dự lễ hội của bản khác. Hội được tổ chức trên một thửa ruộng to. Trong ngày lễ này, mỗi gia đình làm một mâm cơm mang đến nơi tổ chức để cúng, thầy cúng thực hiện các nghi lễ cầu trời cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng tốt tươi, chăn nuôi phát triển, người dân khỏe mạnh. Sau phần nghi lễ là phần hội với các trò chơi dân gian truyền thống như thi múa kỳ lân, ném còn, kéo co, đánh yến. Các thanh niên nam nữ tụ thành từng tốp hát *sli* giao duyên hoặc mời nhau về nhà vui chơi, ăn uống. Hiện nay, ở một số nơi như xã Thượng Thôn, ngày hội này do chính quyền đứng ra tổ chức với sự tham gia của lãnh đạo địa phương trong các nghi thức. Ở phần hội, bên cạnh các trò chơi dân gian truyền thống như *lày cở*, tung còn, đánh quay, đánh yến,... còn có thêm nhiều sinh hoạt văn hoá khác: biểu diễn văn nghệ, thi đấu giao hữu bóng đá, bóng chuyền,... Vì vậy, lễ hội *Lông tông* của người Nùng hiện nay trở thành ngày hội chung của cộng đồng các dân tộc tại các địa phương nơi họ sinh sống.

Các ngày lễ tết khác của người Nùng trong năm như tết Nguyên đán, tết Thanh minh mừng 3 tháng Ba, tết Đoan ngọ mừng 5 tháng Năm, tết *So Lộc* mừng 6 tháng Sáu, lễ “Xá tội vong nhân” mừng 7 tháng Bảy,... Mỗi dịp lễ tết lại gắn với các nghi lễ, phong tục truyền thống đặc trưng của tộc người và vẫn được người dân duy trì thường xuyên. Trong những dịp này, nhất là vào ngày tết Thanh minh, người Nùng thường mời bạn bè, người thân ở Trung Quốc sang vui chơi và tham gia các hoạt động giải trí và ăn uống, đồng thời họ cũng thường được mời sang Trung Quốc dự lễ. Từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát, Trung Quốc thực hiện chính sách kiểm soát chặt chẽ đường biên giới khiến cho những hoạt động này bị gián đoạn. Hiện nay, mặc dù dịch bệnh đã được kiểm soát song hoạt động qua lại của người dân hai bên biên giới vẫn chưa quay trở lại như trước đây. Thay vào đó, trong những dịp lễ, tết, người Nùng và bạn bè,

người thân ở Trung Quốc sử dụng điện thoại và mạng xã hội để liên lạc, chia sẻ hình ảnh, thông tin với nhau.

Những năm gần đây, người Nùng còn tổ chức ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong ngày này, các gia đình trong bản cùng tập trung tại nhà văn hóa của thôn, các sinh hoạt văn nghệ, hát *sli* diễn ra sôi nổi. Sau đó, người dân cùng nhau tập trung ăn uống, vui chơi. Ngoài ra, người Nùng còn tham gia các lễ hội truyền thống của vùng như chợ tình *phong lưu*, ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc, hội chợ chim,... do chính quyền địa phương tổ chức. Vào những dịp này, người Nùng cũng như các tộc người khác trong vùng được tham gia các sinh hoạt văn hoá sôi nổi: biểu diễn văn nghệ những làn điệu dân ca của các tộc người, trình diễn trang phục truyền thống, thi hát giao duyên, chơi các trò chơi dân gian,... Đây là những hình thức sinh hoạt văn hóa góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của người Nùng và các tộc người sinh sống trong vùng.

3.3. Về văn nghệ dân gian truyền thống

Người Nùng có đời sống tinh thần phong phú với nhiều câu chuyện kể dân gian, truyện thơ, các làn điệu dân ca *sli*, *hà lều*, *xà xá*,...; các điệu múa rồng, múa lân, hát tuồng,... Trong đó, *sli giang* là làn điệu phổ biến trong cộng đồng người Nùng Giang ở các điểm nghiên cứu. Đây là lối hát đối đáp giao duyên giữa thanh niên nam nữ trong các phiên chợ, lễ hội, mừng nhà mới, đám cưới,... Nội dung các điệu hát thường ca ngợi cảnh đẹp quê hương, tình yêu cuộc sống, tình cảm lứa đôi,... Hiện nay, chỉ còn những người ở độ tuổi trung niên, người cao tuổi biết hát làn điệu này, thanh niên trẻ tuổi hầu như không ai biết hát. Trong những năm gần đây, những làn điệu *sli* đã được người dân phổ biến mới với nội dung ca ngợi Đảng, Bác Hồ, ca ngợi quê hương, đất nước,... Những điệu hát này được đồng bào trình diễn trong những dịp lễ hội của địa phương hay trong các buổi sinh hoạt văn hoá của cộng đồng và được nhiều người yêu thích. Người Nùng ở thôn Nậm Giát, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng còn thành lập Câu lạc bộ hát dân ca gồm 15 thành viên thường xuyên luyện tập và trình diễn trong những dịp lễ, tết, hội họp của thôn, xã, qua đó góp phần bảo tồn, gìn giữ làn điệu dân ca của tộc người.

Trước đây, người Nùng ở những thôn giáp biên như thôn Cáy Tắc vẫn hát *sli* đối đáp với người đồng tộc ở bên kia biên giới. Họ thường mời nhau tham gia những cuộc giao lưu, cùng nhau uống chè, hút thuốc, hát *sli*, chơi *lày cở*. Khi dịch COVID-19 diễn ra, đường biên giới bị quản lý chặt chẽ, người Nùng đã sử dụng mạng internet để giao lưu, hát đối đáp *sli* với người đồng tộc ở Trung Quốc. Nội dung các câu hát được đồng bào cải biên cho phù hợp với tình hình mới, thể hiện nỗi buồn khi bị giãn cách, sự lo lắng khi đời sống kinh tế bị ảnh hưởng và động viên nhau vượt qua khó khăn (Trần Thị Mai Lan, 2022).

Hiện nay, cùng với sự phát triển của khoa học, nhiều người Nùng đã tiếp cận và sử dụng các sản phẩm công nghệ hiện đại trong cuộc sống. Trong các sinh hoạt văn hoá cộng đồng cũng như những dịp lễ, tết, nhiều người dân đã sử dụng điện thoại thông minh để quay phim, ghi hình

những làn điệu dân ca, tiết mục trình diễn, giao lưu văn hoá văn nghệ của mình. Các cuộc hát đối đáp giao duyên còn được đồng bào lưu giữ, cập nhật, chia sẻ với bạn bè trên mạng xã hội, giúp cho những làn điệu *sli* cũng như văn hoá của người Nùng được nhiều người biết đến.

Người Nùng Giang còn có phong tục múa đầu lân (múa *kỳ lân*) trong các dịp lễ hội, tết Nguyên đán, tết Trung thu, mừng nhà mới. Trước đây vào dịp lễ hội, các đội múa đầu lân của các thôn bản thường biểu diễn và thi đấu với nhau, họ còn mang đầu lân sang múa giao lưu với các thôn của người đồng tộc bên Trung Quốc. Hiện nay, số lượng đầu lân ở cộng đồng người Nùng không còn nhiều, nếu còn cũng ở trong tình trạng hư hỏng, người dân không có điều kiện kinh tế để sửa chữa hoặc đặt mua ở Trung Quốc do giá thành cao. Vì vậy, múa lân hầu như đã biến mất trong sinh hoạt văn hoá của người Nùng ở đây (Trần Thị Mai Lan, 2022).

4. Một vài nhận xét

Những nội dung đã trình bày ở trên cho thấy đời sống văn hoá của người Nùng Giang ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng đã có những thay đổi so với trước đây. Sự biến đổi này là tất yếu trong quá trình phát triển của tộc người. Tuy nhiên, có thể nhận thấy mức độ biến đổi giữa các thành tố văn hoá có sự đậm nhạt khác nhau: các thành tố văn hoá vật chất như nhà ở, trang phục, ẩm thực diễn ra biến đổi mạnh mẽ hơn; trong khi các thành tố văn hoá tinh thần ít có sự biến đổi, chủ yếu là về mặt hình thức, còn nội dung các nghi thức truyền thống vẫn được người dân gìn giữ và thực hành.

Có thể thấy, sự biến đổi trong đời sống văn hóa của người Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau, trong đó giao thoa văn hoá, hiện đại hoá và yếu tố kinh tế thị trường đã tạo nên những ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống văn hoá của tộc người. Trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hoá với các tộc người khác, như nhiều TNC ở Việt Nam, người Nùng đã tiếp thu nhiều giá trị văn hoá của người Kinh. Hiện nay, đa phần người Nùng đều mặc trang phục giống người Kinh, dựng nhà theo cấu trúc nhà ở của người Kinh, cơ cấu bữa ăn và cách chế biến món ăn giống người Kinh,... Bên cạnh đó, do sinh sống ở khu vực biên giới nên người Nùng tại các điểm nghiên cứu có nhiều điều kiện thuận lợi để giao lưu, gặp gỡ với người dân ở bên kia biên giới. Trong quá trình đó, họ cũng đã tiếp thu các giá trị văn hoá của người dân ở Trung Quốc và ứng dụng vào đời sống của mình. Thực tế cho thấy, người đồng tộc ở Trung Quốc đã có những ảnh hưởng nhất định đến đời sống văn hoá của người Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng, được thể hiện rõ nét trong trang phục, nhà ở, ẩm thực,... Rõ ràng, quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa với người Kinh và người dân ở bên kia biên giới đã có tác động làm biến đổi đời sống văn hóa truyền thống người Nùng ở đây.

Từ khi đất nước ta bước vào thời kỳ Đổi mới, sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã đem lại sự thay đổi về mọi mặt trong đời sống của người Nùng. Trong quá trình giao lưu, trao đổi hàng hóa, người Nùng đã thiết lập các mối quan hệ mới ngoài mối quan hệ nội tộc người, nhờ đó họ đã tiếp thu các giá trị văn hóa mới, làm thay đổi nhanh chóng các đặc điểm văn hóa

truyền thống. Bên cạnh đó, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, người Nùng đã có những thay đổi trong nhận thức và suy nghĩ. Họ có cái nhìn dễ dàng hơn, không còn khắt khe trong việc chấp nhận các giá trị văn hoá mới và biến chúng trở thành một phần trong đời sống của mình, khiến cho đời sống văn hoá của họ phong phú, đa dạng hơn. Bên cạnh đó, các yếu tố văn hóa mới mang tính hiện đại đã xâm nhập ngày càng sâu rộng trong đời sống của người Nùng, giúp họ không chỉ nâng cao nhận thức, mở rộng tầm hiểu biết mà còn tiếp thu, thay đổi quan niệm thẩm mỹ, từ đó dẫn tới những thay đổi trong thực hành văn hóa, khiến cho đời sống văn hoá của họ dần biến đổi.

Trong bối cảnh hội nhập và phát triển ngày càng sâu rộng hiện nay, đời sống văn hoá của người Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng sẽ tiếp tục biến đổi. Từ thực trạng nêu trên, chúng tôi đưa ra một số nhận định về xu hướng biến đổi như sau:

- *Xu hướng giao thoa, tiếp nhận các giá trị văn hoá phù hợp với tộc người:* Người Nùng Giang sinh sống ở địa bàn có nhiều điều kiện thuận lợi trong hoạt động giao lưu kinh tế, văn hoá giữa các tộc người trong vùng cũng như với cư dân ở bên kia biên giới. Hiện nay, theo xu thế phát triển chung, hoạt động giao lưu về mọi mặt trong đời sống giữa các cộng đồng tộc người ở vùng biên giới ngày càng trở nên mạnh mẽ, do đó việc giao thoa văn hoá giữa các tộc người sẽ tiếp tục tiếp diễn và phát triển. Bên cạnh đó, hệ thống truyền thông và công nghệ thông tin trong nhiều năm trở lại đây đã có sự phát triển mạnh mẽ. Người Nùng ngày càng có nhiều cơ hội tìm hiểu và tiếp xúc với nhiều nền văn hoá của các tộc người khác ở khắp mọi miền đất nước cũng như trên thế giới thông qua hệ thống truyền thông như truyền hình, điện thoại thông minh, đài phát thanh,... Từ đó, họ học hỏi, tiếp thu những kiến thức mới, làm thay đổi nhận thức, cách suy nghĩ của người Nùng, khiến cho những giá trị văn hoá của họ cũng dần thay đổi và trở nên phong phú hơn. Có thể nhận thấy, sự biến đổi này là tất yếu, phù hợp với xu thế biến đổi chung của xã hội trong quá trình phát triển. Chính vì vậy, trong những năm tới, xu hướng giao thoa, tiếp nhận các giá trị văn hoá phù hợp vẫn sẽ tiếp tục diễn ra trong cộng đồng người Nùng ở Cao Bằng.

- *Xu hướng giữ gìn, bảo tồn văn hoá tộc người:* Trong nhiều năm trở lại đây, sự phát triển kinh tế - xã hội đã đem đến thay đổi lớn về mọi mặt trong đời sống các TNC nói chung và người Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng nói riêng. Trong đó đời sống văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần của người dân được cải thiện và nâng cao, làm phong phú hơn các giá trị văn hoá truyền thống, song cũng đặt ra nhiều thách thức trong việc bảo tồn, gìn giữ văn hoá truyền thống tộc người. Đối với người Nùng ở Cao Bằng, sự biến đổi trong đời sống văn hoá cho thấy bên cạnh những giá trị văn hoá mới được họ tiếp thu trong quá trình phát triển, một số thành tố trong đời sống văn hoá của họ cũng dần bị mai một hoặc biến mất. Đó là sự mai một của nghề trồng bông, dệt vải; sự suy giảm về số lượng những ngôi nhà sàn truyền thống; các làn điệu dân ca, hát *sli* của người Nùng không còn phổ biến; lễ truyền thống không được tổ chức thường xuyên,... Bên cạnh đó là sự thay đổi trong ý thức của một bộ phận người dân

về những giá trị truyền thống như thích mặc trang phục phổ thông hơn trang phục truyền thống của tộc người, thích các món ăn mới, thích ở trong những ngôi nhà xây mới, thích nghe nhạc hiện đại,... khiến các giá trị văn hoá truyền thống dần bị biến đổi. Tuy vậy, trong nhiều năm trở lại đây, đời sống kinh tế của người Nùng đã dần được cải thiện, người dân bước đầu có điều kiện kinh tế để chăm lo nhiều hơn đến đời sống văn hoá, tinh thần. Cùng với sự quan tâm của Nhà nước và chính quyền địa phương trong công tác bảo tồn văn hoá truyền thống tộc người, ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của người Nùng sẽ ngày càng được đẩy mạnh. Xu hướng này sẽ tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

- *Xu hướng hiện đại hóa một số giá trị văn hóa truyền thống*: Trong nhiều năm trở lại đây, những tiến bộ của khoa học kỹ thuật hiện đại ngày càng được ứng dụng phổ biến trong cuộc sống, đem lại những thay đổi lớn trong lao động sản xuất cũng như đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân. Nhiều loại vật liệu công nghiệp, phương tiện sản xuất hiện đại, sản phẩm công nghệ thông tin ra đời và xuất hiện ngày càng phổ biến trong cuộc sống của người Nùng, giúp đồng bào nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng các sản phẩm truyền thống như trang phục, nhà ở,... và trở thành những giá trị văn hoá mới mang tính hiện đại trong đời sống của người Nùng. Rõ ràng những nhân tố hiện đại này đã khiến cho đời sống văn hoá của người Nùng vẫn còn mang nét truyền thống nhưng vẫn phù hợp với xu thế chung của xã hội. Trong bối cảnh khoa học kỹ thuật và công nghệ ngày càng phát triển hiện nay, xu thế này sẽ đem lại những giá trị văn hoá mới trong đời sống người Nùng.

Trong những năm gần đây, sự thắt chặt kiểm soát biên giới của Trung Quốc đã khiến cho hoạt động giao lưu văn hoá của người Nùng và người dân ở bên kia biên giới bị ảnh hưởng không nhỏ. Song họ đã thể hiện sự thích ứng nhanh nhạy bằng cách sử dụng các phương tiện truyền thông internet, mạng xã hội để kết nối với bạn bè, người thân ở Trung Quốc. Bên cạnh đó, người Nùng còn sử dụng điện thoại thông minh để lưu giữ, cập nhật, chia sẻ các sinh hoạt văn hoá tộc người trên mạng xã hội. Có thể thấy, các sản phẩm công nghệ thông tin hiện đại trở nên ngày càng phổ biến trong cuộc sống của người Nùng, giúp họ có phương tiện để giao lưu văn hoá vừa lưu giữ, cập nhật và chia sẻ những giá trị văn hoá của tộc người với bạn bè muôn nơi, vừa góp phần bảo tồn, quảng bá văn hoá của người Nùng. Với sự phát triển ngày càng cao của công nghệ thông tin, xu hướng sử dụng các sản phẩm công nghệ trong giao lưu, bảo tồn văn hoá của người Nùng sẽ ngày càng phát triển và trở thành một trong những hình thức quan trọng trong công tác bảo tồn văn hoá tộc người.

Kết luận

Sự biến đổi trong đời sống văn hoá của người Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng phản ánh sự thay đổi về nhận thức, quan niệm thẩm mỹ của người Nùng, cho thấy khả năng sáng tạo, thích nghi của họ với sự phát triển ngày càng nhanh của xã hội hiện nay. Sự giao thoa, tiếp nhận các giá trị văn hoá phù hợp cũng như xu hướng hiện đại hoá đã tạo ra những giá trị văn hoá mới, làm phong phú thêm đời sống của người Nùng. Tuy nhiên, nó cũng gây ra

những biến đổi theo chiều hướng tiêu cực là làm mai một các giá trị văn hoá truyền thống của tộc người.

Sự phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập văn hoá ngày càng mạnh mẽ đã và sẽ tiếp tục thúc đẩy, tạo điều kiện cho quá trình giao lưu, hội nhập văn hoá của người Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng ngày càng phát triển, khiến cho đời sống văn hoá của họ tiếp tục biến đổi theo nhiều xu hướng. Cùng với đó, đời sống vật chất và tinh thần của người Nùng ngày càng được cải thiện, từng bước nâng lên, tạo tiền đề cho sự gìn giữ, bảo tồn văn hoá tộc người trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Bé (2001), *Trang phục cổ truyền của người Nùng ở Đông Bắc Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Viện Dân tộc học.
2. Báo ảnh Dân tộc và Miền núi (2017), *Nét đẹp nhà sàn của người Tày - Nùng ở Cao Bằng*, trên trang: <https://dantocmiennui.vn/net-dep-nha-san-cua-nguoi-tay-nung-o-cao-bang/140109.html> (Truy cập ngày 18/6/2023).
3. Trần Thị Mai Lan (2022), “Tác động của việc đóng cửa biên giới Việt - Trung tới đời sống của người Nùng và người Hmông ở khu vực biên giới”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr. 75-84.
4. Trần Thị Mai Lan (Chủ nhiệm, 2022), *Ảnh hưởng văn hóa của một số tộc người ở Trung Quốc đến người Nùng và người Hmông ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ năm 2021 - 2022, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
5. Sa Thị Thanh Nga (2022), “Nhận diện một số xu hướng biến đổi trang phục của người Nùng và người Hmông ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 5, tr. 102-112.
6. Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng (2020), *Biểu phân tích thành phần dân tộc huyện Hà Quảng tính đến tháng 12/2019*, Phòng Dân tộc huyện Hà Quảng, tháng 11/2020.
7. Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh (2021), *Thống kê dân số theo thành phần dân tộc đến tháng 12 năm 2020 huyện Trùng Khánh*, Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh thực hiện tháng 1/2021.